

THÔNG BÁO

**Công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Dương**

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

UBND thị trấn Bình Dương thông báo công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thị trấn Bình Dương (có danh mục kèm theo) để các cơ quan, tổ chức và công dân biết, thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp vướng mắc hoặc chưa rõ, đề nghị các tổ chức, cá nhân vui lòng liên hệ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị trấn (Qua số điện thoại 02563858122) – 78 Nguyễn Nhạc, Khu phố Dương Liễu Tây, thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định để được giải thích, hướng dẫn chi tiết./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Phù Mỹ (b/c);
- TT. Đảng ủy (b/c);
- TT. HĐND (b/c);
- CT, các PCT UBND ;
- Mặt trận và các hội đoàn thể ;
- Bộ phận Một cửa (niêm yết);
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Phương Toàn

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN**

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	MÃ TTHC	MỨC ĐỘ DVC
Lĩnh vực: Chính quyền địa phương			
1	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, thôn tổ dân phố	2.000465.000.00.00.H08	Một phần
Lĩnh vực: Bảo hiểm			
2	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	1.005412.000.00.00.H08	Một phần
Lĩnh vực: Bồi thường nhà nước			
3	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	2.002165.000.00.00.H08	Còn lại
Lĩnh vực: Bảo Trợ Xã Hội			
4	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1.001699.000.00.00.H08	Một phần
5	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1.001653.000.00.00.H08	Một phần
6	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H08	Một phần
7	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	1.011606.000.00.00.H08	Một phần
8	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	1.011607.000.00.00.H08	Một phần
9	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	1.011608.000.00.00.H08	Một phần
10	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	2.000286.000.00.00.H08	Một phần
11	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	1.011609.000.00.00.H08	Một phần
12	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2.000355.000.00.00.H08	Toàn trình
13	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1.001731.000.00.00.H08	Toàn trình
14	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1.001758.000.00.00.H08	Toàn trình
15	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.001753.000.00.00.H08	Toàn trình

16	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	2.000744.000.00.00.H08	Toàn trình
17	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	1.001739.000.00.00.H08	Toàn trình
18	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	2.000751.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng			
19	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	2.002620.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Chính sách			
20	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	1.012537.H08	Một phần
21	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	1.012538.H08	Một phần
Lĩnh vực: Chứng thực			
22	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001035.000.00.00.H08	Còn lại
23	Thủ tục chứng thực di chúc	2.001019.000.00.00.H08	Còn lại
24	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	2.001016.000.00.00.H08	Còn lại
25	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001406.000.00.00.H08	Còn lại
26	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	2.000884.000.00.00.H08	Còn lại
27	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	2.000927.000.00.00.H08	Còn lại
28	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	2.000942.000.00.00.H08	Còn lại
29	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	2.000913.000.00.00.H08	Còn lại
30	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001009.000.00.00.H08	Còn lại
31	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	2.000815	Một phần
32	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	2.000908.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Đường bộ			

33	Chấp thuận đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ đang khai thác	1.000314.H08	Một phần
34	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1.013274.H08	Một phần
35	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	2.001921.000.00.00.H08	Một phần
36	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	1.013061.H08	Một phần
Lĩnh vực: Đất đai			
37	Hòa giải tranh chấp đất đai	1.012812.H08	Một phần
Lĩnh vực: Dân số			
38	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	2.001088.000.00.00.H08	Một phần
39	Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ.	1.002192.000.00.00.H08	Một phần
Lĩnh vực: Công tác dân tộc			
40	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	1.012223.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Đường thủy nội địa			
41	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.003970.000.00.00.H08_X	Còn lại
42	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1.004047.000.00.00.H08_X	Còn lại
43	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.004002.000.00.00.H08_X	Một phần
44	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	2.001659.000.00.00.H08_X	Một phần
45	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088.000.00.00.H08_X	Một phần
46	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1.003930.000.00.00.H08_X	Một phần
47	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1.006391.000.00.00.H08_X	Một phần

48	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2.001711.000.00.00.H08_X	Một phần
49	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	1.005040.000.00.00.H08_X	Toàn trình
Lĩnh vực: Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Quản lý thu, Sổ - thẻ			
50	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.002621.H08	Một phần
Lĩnh vực: Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Bảo trợ xã hội - Người có công			
51	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	2.002622.H08	Một phần
Lĩnh vực: Gia đình			
52	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	1.012084.000.00.00.H08	Toàn trình
53	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	1.012085.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Các cơ sở giáo dục khác			
54	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1.012971.H08	Một phần
55	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1.012973.H08	Một phần
56	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	1.012972.H08	Toàn trình
57	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	1.012975.H08	Toàn trình
58	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1.012974.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Giám định y khoa			
59	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	1.011798.000.00.00.H08	Một phần
60	Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	1.011799.000.00.00.H08	Một phần
Lĩnh vực: Giải quyết khiếu nại			
61	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	2.002409.000.00.00.H08	Còn lại
Lĩnh vực: Giải quyết tố cáo			
62	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	2.002396.000.00.00.H08	Còn lại
Lĩnh vực: Phổ biến giáo dục pháp luật			

63	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	1.002211.000.00.00.H08	Toàn trình
64	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	2.000950.000.00.00.H08	Toàn trình
65	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	2.002080.000.00.00.H08	Toàn trình
66	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	2.000930.000.00.00.H08	Toàn trình
67	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	2.001457.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Hộ tịch			
68	Đăng ký giám sát việc giám hộ	3.000323.H08	Còn lại
69	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	3.000322.H08	Còn lại
70	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.000986.000.00.00.H08	Một phần
71	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.001023.000.00.00.H08	Một phần
72	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	1.004884.000.00.00.H08	Một phần
73	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	1.000689.000.00.00.H08	Một phần
74	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.001022.000.00.00.H08	Một phần
75	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	1.000419.000.00.00.H08	Một phần
76	Thủ tục đăng ký giám hộ	1.004837.000.00.00.H08	Một phần
77	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	1.004845.000.00.00.H08	Một phần
78	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	1.004859.000.00.00.H08	Một phần
79	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	1.004746.000.00.00.H08	Một phần
80	Đăng ký lại khai tử	1.005461.000.00.00.H08	Một phần
81	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	1.003583.000.00.00.H08	Một phần
82	Thủ tục đăng ký khai tử	1.000656.000.00.00.H08	Một phần
83	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.004772.000.00.00.H08	Một phần
84	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	1.000593.000.00.00.H08	Một phần

85	Thủ tục đăng ký khai sinh	1.001193.000.00.00.H08	Một phần
86	Thủ tục đăng ký kết hôn	1.000894.000.00.00.H08	Một phần
87	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	2.000635.000.00.00.H08	Toàn trình
88	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004873.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			
89	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002668.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Hạ tầng kỹ thuật			
90	Cấp phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường cho các hoạt động phục vụ thi công xây dựng, sửa chữa công trình	1.009349	Một phần
91	Gia hạn Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường (cấp xã)	1.00935	Một phần
Lĩnh vực: Khoa học Công nghệ và Môi trường			
92	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.	1.008838.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Kiểm lâm			
93	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	1.012693.H08	Một phần
Lĩnh vực: Môi trường			
94	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	1.004082.000.00.00.H08	Còn lại
95	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	1.010736.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Nuôi con nuôi			
96	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	2.001263.000.00.00.H08	Còn lại
97	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2.001255.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Người Có Công			
98	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.001257.000.00.00.H08	Còn lại
99	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.010821.000.00.00.H08	Còn lại

100	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	1.010818.000.00.00.H08	Còn lại
101	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	1.010804.000.00.00.H08	Còn lại
102	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	1.010805.000.00.00.H08	Còn lại
103	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010817.000.00.00.H08	Còn lại
104	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	1.010825.000.00.00.H08	Còn lại
105	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	1.010803.000.00.00.H08	Còn lại
106	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tình quản lý	1.010812.000.00.00.H08	Còn lại
107	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	1.010810.000.00.00.H08	Còn lại
108	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	1.010814.000.00.00.H08	Còn lại
109	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.010816.000.00.00.H08	Còn lại
110	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	1.010815.000.00.00.H08	Còn lại
111	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	2.002307.000.00.00.H08	Còn lại
112	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	1.004964.000.00.00.H08	Còn lại
113	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2.001396.000.00.00.H08	Còn lại
114	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương đề nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra	1.011402.000.00.00.H08	Còn lại
115	Thủ tục cấp giấy chứng nhận hy sinh đề nghị công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	1.011401.000.00.00.H08	Còn lại
116	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	1.010833.000.00.00.H08	Một phần

117	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	1.010820.000.00.00.H08	Một phần
118	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	1.010824.000.00.00.H08	Một phần
119	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	1.010819.000.00.00.H08	Một phần
120	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	2.002308.000.00.00.H08	Một phần
121	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2.001157.000.00.00.H08	Một phần
Lĩnh vực: Nông nghiệp			
122	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	1.003596.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Phòng, chống tệ nạn xã hội			
123	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	2.001661.000.00.00.H08	Một phần
124	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	1.010941.000.00.00.H08	Một phần
Lĩnh vực: Phòng, chống thiên tai			
125	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	2.002163.000.00.00.H08	Một phần
126	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	2.002162.000.00.00.H08	Toàn trình
127	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	1.010092.000.00.00.H08	Toàn trình
128	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	1.010091.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: An toàn đập, hồ chứa thủy điện			
129	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2.000206.000.00.00.H08	Một phần
130	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2.000184.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Thuế			
131	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	1.008603.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Thi đua - khen thưởng			
132	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã theo công trạng (Cấp xã)	1.012373.H08	Toàn trình
133	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề (Cấp xã)	1.012374.H08	Toàn trình

134	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho hộ gia đình (Cấp xã)	1.012378.H08	Toàn trình
135	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến (Cấp xã)	1.012379.H08	Toàn trình
136	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất (Cấp xã)	1.012376.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Thể dục thể thao			
137	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	2.000794.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Trẻ em			
138	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	2.001944.000.00.00.H08	Toàn trình
139	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1.004946.000.00.00.H08_X	Toàn trình
140	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1.004944.000.00.00.H08_X	Toàn trình
141	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2.001947.000.00.00.H08	Toàn trình
142	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	1.004941.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Thủy lợi			
143	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003446.000.00.00.H08	Còn lại
144	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003440.000.00.00.H08	Còn lại
145	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	2.001621.000.00.00.H08	Một phần
Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác			
146	Thông báo thành lập tổ hợp tác	2.002226.000.00.00.H08	Toàn trình
147	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	2.002227.000.00.00.H08	Toàn trình
148	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	2.002228.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Tôn giáo Chính phủ			

149	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.012579.H08	Toàn trình
150	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	1.012582.H08	Toàn trình
151	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.012580.H08	Toàn trình
152	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.012590.H08	Toàn trình
153	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.012588.H08	Toàn trình
154	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.012586.H08	Toàn trình
155	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	1.012591.H08	Toàn trình
156	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.012585.H08	Toàn trình
157	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	1.012584.H08	Toàn trình
158	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	1.012592.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Trồng Trọt			
159	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	1.008004.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Thư viện			
160	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	1.008901.000.00.00.H08	Toàn trình
161	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	1.008902.000.00.00.H08	Toàn trình
162	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	1.008903.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Văn hóa cơ sở			
163	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	1.003622.000.00.00.H08	Toàn trình
Lĩnh vực: Xử lý đơn thư			
164	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	2.002501.000.00.00.H08	Còn lại
Tổng số: 164 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			